TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 407/2024/HCPT
Ngày: 26/7/2024
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa*;*

Các Thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng;

Ông Trần Xuân Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án Hành chính thụ lý số 215/2024/TLPT-HC, ngày 28 tháng 5 năm 2024 do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 399/2023/HC-ST, ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7519/2024/QĐ-PT, ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: **Bà Nguyễn Thị Đ**; sinh năm 1941; địa chỉ: Cụm A, Thôn L, xã B, huyện S, TP Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Văn D**; sinh năm 1965; địa chỉ: Cụm C, Thôn L, xã B, huyện S, TP Hà Nội (*Văn bản ủy quyền ngày 13/10/2023*); có mặt .

2. ***Người bị kiện:*** **UBND huyện S, thành phố Hà Nội.**

*Người đại diện theo ủy quyền****:*** Ông ***Phạm Quang N;*** chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện S (*Văn bản ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 05/04/2023*); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*****:**

3.1. Chủ tịch UBND huyện S, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quang N, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện S (*Văn bản ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 05/04/2023*); vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. UBND xã B, huyện S, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Xuân K; chức vụ: Phó Chủ tịch xã B, huyện S (Văn bản ủy quyền số 06/GUQ-UBND ngày 015/03/2023); vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp thành phố H; địa chỉ: Số A T, phường N, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức A; chức vụ: Chuyên viên Phòng quản lý dự án; vắng mặt.

3.4. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện S, Hà Nội; địa chỉ: Tổ I thị trấn S, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: vắng mặt.

3.5. Anh Nguyễn Văn D; sinh năm 1965; có mặt.

3.6. Chị Ngô Thị T, sinh năm 1966; vắng mặt.

3.7. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; vắng mặt

3.8. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Cụm C, Thôn L, xã B, huyện S, TP Hà Nội

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện Nguyễn Thị Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Đ trình bày như sau***:

Gia đình bà có một thửa đất ở có từ năm 1921 đến nay, ngày 12/10/2005, mẹ bà là Nguyễn Thị T1 họp gia đình phân chia đất ở cho các con. Theo đó mẹ bà tặng cho bà một mảnh đất khoảng 395,5 m2 đất ở tại thôn L, xã B. Gia đình bà làm nhà ở sinh hoạt từ đó cho đến nay.Tiền thuế không phải đóng vì là gia đình chính sách.Gia đình ở không tranh chấp với ai. Ngày 18/01/2021, gia đình bà nhận được phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung. Tổng số tiền được hỗ trợ là 213.553.000 đồng, đương tương đương 10% giá trị.

Ngày 18/3/2021, bà nhận được Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 21/09/2018 của UBND huyện S về việc thu hồi đất. Gia đình không đồng ý với Quyết định và phương án bồi thường vì đất này là đất ở của gia đình từ trước đến nay.

Ngày 07/12/2021 bà làm đơn khởi kiện đến tòa án nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu:

- Hủy quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 về phê duyệt bổ sung phương án hỗ trợ đất trồng cây lâu năm

- Bồi thường cho gia đình bà 100% giá trị đất và tài sản trên đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Hủy Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 21/09/2018 của UBND huyện S về việc thu hồi đất.

**** Ý kiến của Chủ tịch và UBND huyện S:***

Thực hiện Quyết định số 4910/QĐ-UBND ngày 24/10/2011 của UBND thành phố H về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng khu liên hiệp xử lý chất thải S giai đoạn II tại huyện S, UBND huyện S ban hành Thông báo số 34/TB-UBND ngày 14/3/2011 về chủ trương thu hồi đất thực hiện dự án.

Ngày 18/8/2018, UBND xã B có văn bản số 616/2017/XN-NGSDĐ đối với hộ bà Nguyễn Thị Đ. Theo đó hộ bà Đ có 02 thửa đất tổng diện tích 395,5 m2 (thửa số 997, diện tích 120,6m2 và thửa đất số 999, diện tích 274,9 m2 tờ bản đồ GPMB tương đương với 1 phần thửa đất số 35, tờ bản đồ số 08 (bản đồ đo đạc năm 1993). Diện tích bị thu hồi 395,5m2 có nguồn gốc là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, không được giao theo Nghị định 64/CP; hộ gia đình tự ý sử dụng. Thời điểm bắt đầu sử dụng thửa đất vào mục đích trồng cây lâu năm trước ngày 15/10/1993.

Bà Nguyễn Thị Đ đã chứng kiến và ký xác nhận vào biên bản kiểm kê tài sản và công trình trên đất.

Ngày 21/9/2018, UBND huyện S ban hành Quyết định số 2868/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 2851/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Theo đó hộ bà Đ được bồi thường là 59.308.000 đồng.

Thực hiện Thông báo số 508/TB-UBND ngày 29/10/2020 của Văn phòng UBND thành phố H do đồng chí Nguyễn Quốc H1- Phó Chủ tịch UBND thành phố H. Theo đó cho phép: *Những thửa đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản không nằm trong cùng thửa đất ở, cho phép UBND huyện S ngoài việc bồi thường theo giá đất nông nghiệp, được áp dụng chính sách hỗ trợ khác tối đa không vượt quá mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của UBND thành phố.*

Ngày 03/6/2021, UBND huyện S ban hành Quyết định số 1955/QĐ-UBND về phê duyệt bổ sung chính sách đất nông nghiệp trồng cây lâu năm. Theo đó hộ gia đình bà Đ được phê duyệt bổ sung số tiền là 154.245.000 đồng.

Do gia đình bà Đ không nhận tiền và bàn giao mặt bằng nên ngày 17/8/2021, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Không đồng ý với Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 17/8/2021, bà Nguyễn Thị Đ đã khiếu nại với lý do không đồng ý phương án đền bù, hỗ trợ và tái định cư.

Ngày 16/11/2021, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 5079/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại có nội dung giữ nguyên quyết định số 3381/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngày 20/11/2021 bà Đ đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất 997 và thửa 999 là 213. 553.000 đồng và đã bàn giao mặt bằng.

**** Ý kiến của UBND xã B***:

Nguồn gốc thửa đất 999 và 997 tờ bản đồ số 01 của gia đình bà Nguyễn Thị Đ sử dụng có nguồn gốc là đất trồng cây lâu năm, không được giao theo nghị định 64/CP, gia đình bà Nguyễn Thị Đ tự ý sử dụng. Thời điểm bắt đầu sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm trước ngày 15/10/1993. Thời điểm xây dựng sau ngày 1/7/2004 đến trước ngày 1/7/2014.

Bà Nguyễn Thị Đ ăn ở cùng với anh Nguyễn Văn D tại thửa đất khác (thửa 105, tờ bản đồ số 12 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2945 m2 cho hộ anh Nguyễn Văn D).

Anh Nguyễn Văn D đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ nhất trí ý kiến của bà Đ.

Chị Ngô Thị T, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị H vợ và con anh D không có ý kiến gì.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp thành phố H giao nộp Bảng tổng hợp chi trả tiền ngày 20/11/2021 trong đó có hộ bà Nguyễn Thị Đ.

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện S vắng mặt và không có ý kiến.

Bản án hành chính sơ thẩm số 399/2023/HC-ST, ngày 23/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, căn cứ: khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật tố tụng hành chính; Luật tổ chức HĐND và UBND, Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật đất đai năm 2003, 2013; Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Luật khiếu nại năm 2011, Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu hủy:

- Quyết định số 2868/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của UBND huyện S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND huyện S về phê duyệt bổ sung chính sách đất nông nghiệp trồng cây lâu năm.

Bác các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 29/11/2023, người khởi kiện có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ có ý kiến: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Căn cứ kháng cáo: Bà Đ là vợ liệt sĩ, được bà ngoại cho thửa đất này để thờ cúng liệt sĩ, hiện tại bà Đ không có đất ở nào khác. Giữ nguyên các tài liệu, ý kiến đã cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm, không cung cấp thêm tài liệu nào khác.

Đại diện Ban quản lý dự án có ý kiến: Bà Đ xây dựng công trình trên đất nông nghiệp sau 01/7/2004 đến trước 01/7/2014, nên giá đền bù về đất thấp, các cấp đã đề xuất bổ sung chính sách hỗ trợ khác bằng 5 lần giá đất nông nghiệp và bà Đ đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, bàn giao mặt bằng. Hộ bà Đ có công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 thì việc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất không được công nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tại cấp phúc thẩm người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng đến trước khi nghị án.

Về nội dung vụ án: Đối với hộ bà Đ về loại đất thu hồi là đất trồng cây lâu năm là đúng; về diện tích đất bị thu hồi là đúng; về bồi thường, hỗ trợ khác đối với diện tích đất bị thu hồi là đúng quy định; về bồi thường tài sản trên đất là đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ, giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 242 của Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ đảm bảo thời hạn, nội dung, hình thức nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy:

[3] *Về đối tượng khởi kiện và quyết định liên quan*: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 6 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP, ngày 15-01-2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định đối tượng khởi kiện, quyết định hành chính liên quan sau đây để giải quyết trong vụ án là có căn cứ, gồm:

- Quyết định số 2868/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của UBND huyện S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND huyện S về phê duyệt bổ sung chính sách đất nông nghiệp trồng cây lâu năm. Yêu cầu được bồi thường 100% đất ở và tài sản trên đất.

- Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 06/4 /2021 về việc cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 và Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện S về việc điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất.

- Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại.

[4] *Về thẩm quyền giải quyết:* Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 luật tố tụng hành chính thì khiếu kiện của bà Nguyễn Thị Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[5] *Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 07/12/2021, bà Nguyễn Thị Đ làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu: Hủy phương án bổ sung hỗ trợ đất trồng cây lâu năm kèm theo quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 03/6/2021. Bồi thường cho gia đình bà 100% giá trị đất và tài sản trên đất theo đúng quy định của pháp luật. Hủy Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 21/09/2018 của UBND huyện S về việc thu hồi đất. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 luật tố tụng hành chính năm 2015 yêu cầu khởi kiện của bà Đ còn thời hiệu giải quyết.

[6] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện: Quyết định số 2868/QĐ-UBND, ngày 21/9/2018 về việc thu hồi đất đến từng thửa phục vụ công tác giải phóng mặt bằng dự án và Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 21/9/2018, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 06- thổ cư) khi thực hiện dự án và Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 về việc phê duyệt bổ sung chính sách nông nghiệp trồng cây lâu năm theo Thông báo số 508/TB-UBND ngày 29/10/2020 của UBND thành phố H của UBND huyện S, Hà Nội (Viết tắt là Quyết định số 2868, Quyết định số 2851 và Quyết định số 1955):

[6.1] *Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành của các quyết định:* UBND huyện S ban hành Quyết định số 2868, Quyết định số 2851 và Quyết định số 1955 là đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Nghị định 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Nghị định 01/2017/NĐ-CP, ngày 6/1/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

[6.2] *Về nội dung các quyết định*:

[6.3] *Về nguồn gốc đất:* Ngày 18/8/2018, UBND xã B có xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 616/2017/XN-NGSDĐ đối với hộ bà Nguyễn Thị Đ có 02 thửa đất bị thu hồi năm 2018, tổng diện tích 395,5 m^2 (thửa số 997, diện tích 120,6 m^2 và thửa đất số 999, diện tích 274,9 m^2 tờ bản đồ GPMB, tương đương với 1 phần thửa đất số 35, tờ bản đồ số 08 (Bản đồ địa chính đo đạc năm 1993). Diện tích bị thu hồi 395,5m^2 có nguồn gốc là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, không được giao theo Nghị định 64/CP; hộ gia đình tự ý sử dụng. Thời điểm bắt đầu sử dụng thửa đất vào mục đích trồng cây lâu năm trước ngày 15/10/1993.

[6.4] *Về công trình, tài sản trên đất, thời điểm xây dựng:* Tại Giấy xác nhận số 222/2017/XN-TĐXD, ngày 20/11/2017 của UBND xã B về thời điểm xây dựng bao gồm 07 hạng mục theo Biên bản kiểm đếm là sau ngày 1/7/2004 và trước ngày 01/7/2014. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh D xác định công trình xây dựng năm 2007.

[6.5] *Về chính sách bồi thường:* Tại Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của UBND huyện S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ được bồi thường như sau: *Bồi thường về đất*: 395,5 m^2 x 78.000 đồng/m^2 x 100% = 30.849.000 đồng; *Bồi thường, hỗ trợ về công trình trên đất:* Với 7 hạng mục công trình xây dựng thì được bồi thường tỉ lệ 10 % (*Công trình xây dựng sau ngày 1/7/2004 trước ngày 1/7/2014)* và cây trồng bồi thường 100%, tổng cộng là: 28.459.000 đồng**.** Tổng

số tiền được nhận: 59.308.000 đồng là áp dụng đúng Quyết định số 10/2017 của UBND thành phố H; Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố H về Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND, ngày 03/03/2017 của UBND thành phố H về giá xây dựng nhà ở nhà tạm vật kiến trúc làm cơ sở để xác định giá trị bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Thông báo số 8514/STC-BG ngày 25/12/2017 của Sở T2 về việc đơn giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây, hoa màu, vật nuôi.

[6.6] Trong quá trình thực hiện, trên cơ sở kiến nghị của người dân 3 xã N, B, Hồ N, Văn phòng UBND thành phố có Thông báo số 508/TB-UBND ngày 29/10/2020. Thực hiện Thông báo 508 cho phép: *Những thửa đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản không nằm trong cùng thửa đất ở, cho phép UBND huyện S ngoài việc bồi thường theo giá đất nông nghiệp, được áp dụng chính sách hỗ trợ khác tối đa không vượt quá mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của UBND thành phố.*

[6.7] Ngày 03/6/2021, UBND huyện S ban hành Quyết định số 1955/QĐ-UBND về phê duyệt bổ sung chính sách đất nông nghiệp trồng cây lâu năm. Theo đó hộ gia đình bà Đ được phê duyệt bổ sung (*hỗ trợ khác*): 395,5 m^2 x 78.000 đồng/m^2 x 05 lần giá đất nông nghiệp = 154.245.000 đồng.

[6.8] Như vậy, tổng số tiền bà Nguyễn Thị Đ được bồi thường, hỗ trợ là 213.553.000đ. Bà Đ đã nhận tiền. Xét thấy, nội dung các quyết định đảm bảo có căn cứ, đúng quy định.

[6.9] Như vậy, xét thấy UBND huyện S ban hành các Quyết định số 2868, Quyết định số 2851 và Quyết định số 1955 là đúng quy định của pháp luật.

[7] **Xét tính hợp pháp, có căn cứ của Quyết định số 1209/QĐ-UBND, ngày 01/02/2021 về việc cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 và Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện S về việc điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất, Hội đồng xét xử thấy:**

[7.1] Sau khi có Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đ không đồng ý nhận tiền, không chịu bàn giao mặt bằng mặc dù đã được vận động tuyên truyền, nên ngày 01/02/2021, Chủ tịch UBND huyện S ban hành ban hành Quyết định 1209/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất. Do thực hiện giãn cách xã hội của dịch Covid, ngày 09/7/2021 và ngày 17/8/2021, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 2696/QĐ-UBND, ngày 09/9/2021 và Quyết định số 3381/QĐ-UBND, ngày 17/8/2021 về việc điều chỉnh thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định.

[8] **Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết khiếu nại.**

[8.1] Không đồng ý với Quyết định số 3381/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện S, bà Nguyễn Thị Đ có đơn khiếu nại lý do không đồng ý phương án đền bù, hỗ trợ tái định cư.

[8.2] Tại buổi làm việc ngày 18/9/2021, bà Đ không có mặt, anh Nguyễn Văn D (con trai bà Đ có ý kiến (*không có văn bản ủy quyền*) trình bày: Thửa đất 997-999 là của cụ Nguyễn Thị T1 (*mẹ chồng bà Đ*) sử dụng để trồng cây lâu năm từ trước ngày 15/10/1993. Đến năm 1989 cụ T1 cho bà Đ tiếp tục sử dụng. Tuy nhiên, gia đình không xuất trình được tài liệu chứng minh là đất ở. Năm 2007, bà Đ xây nhà cấp 4 diện tích khoảng 30m^2 lợp mái fiproximăng, tường bao. Năm 2016, bà Đ về ở với vợ chồng anh D tại thửa đất khác. Bà Đ không đồng ý đơn giá, phương án bồi thường 10% đơn giá đối với tài sản trên đất, không đồng ý bàn giao mặt bằng.

[8.3] Tuy nhiên, như phân tích trên, thửa đất 997 và 999 có tổng diện tích 395,5 m^2 của hộ bà Đ nằm trong phạm vi GPMB được xác định là đất trồng cây lâu năm không được giao theo Nghị định 64/CP; hộ gia đình tự ý sử dụng. Thời điểm bắt đầu sử dụng thửa đất vào mục đích trồng cây lâu năm trước ngày 15/10/1993. Theo Quyết định 96/QĐ-UBND của UBND thành phố H quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố, theo đó giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm: 78.000 đồng/m^2.

[8.4] *Về công trình, tài sản trên đất, thời điểm xây dựng:* Thời điểm xây dựng bao gồm 07 hạng mục công trình theo biên bản kiểm đếm là sau ngày 1/7/2004 và trước ngày 01/7/2014. Theo đó thì được hỗ trợ 10% giá trị tài sản là áp dụng đúng theo Khoản 3 Điều 14 Quyết định số 10/QĐ-UBND của UBND thành phố H.

[8.5] Việc bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu được bồi thường 100% giá trị đất ở và công trình trên đất là không có cơ sở, Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường đối với hộ bà Đ là đúng, nên ngày 16/11/2021 Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 5079/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại có nội dung giữ nguyên Quyết định số 3381/QĐ-UBND, ngày 17/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện S là đúng quy định của pháp luật.

[8.6] Ngày 20/11/2021, bà Nguyễn Thị Đ đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất 997 và thửa 999 là 213.553.000 đồng và đã bàn giao mặt bằng.

[9] Từ các căn cứ và nhận định nêu trên, xét thấy Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ là có căn cứ, đảm bảo đúng quy định.

[10] Bà Nguyễn Thị Đ kháng cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do vậy, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ không được chấp nhận.

[11] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phát biểu quan điểm thống nhất với nhận định trên của Hội đội đồng xét xử.

[12] Về án phí: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ không được chấp nhận, nhưng bà Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ; Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 399/2023/HC-ST, ngày 23/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hoa